

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU MỚI CỦA LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI (KỲ 2 VÀ HẾT)

TRỊNH TIẾN VIỆT*

4. Tội phạm

4.1. Nghiên cứu chuyên sâu từng yếu tố cấu thành tội phạm và phân loại tội phạm

Tội phạm là một trong những vấn đề gốc, cốt lõi của luật hình sự. Mặc dù đã được đề cập nhiều về tội phạm và sự thể hiện trong khoa học - cấu thành tội phạm nhưng vẫn còn chưa nghiên cứu từng yếu tố cấu thành tội phạm; nghiên cứu nội dung từng các giai đoạn phạm tội, vấn đề phạm tội có tổ chức, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với pháp nhân thương mại trên cơ sở các học thuyết về pháp nhân đã được khoa học luật hình sự thế giới luận giải¹. Đổi mới cách tiếp cận về tội phạm và cấu thành tội phạm, nhất là nhận thức về các dấu hiệu của tội phạm...².

Luận điểm của một nhà khoa học đã chỉ ra Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam cần thay đổi “không chỉ có một khái niệm duy nhất về tội phạm. Tình hình đó không tạo ra thuận lợi cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt trong thực tiễn, là một trong những nguyên nhân của việc quá tải trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Hơn thế, việc để tất cả mức độ vi phạm pháp luật hình sự vào chung một khái niệm tội phạm cũng liên quan đến mô hình tổ chức Tòa án hiện nay, bởi Tòa án nào cũng có thẩm quyền xét xử tất cả các vụ án liên quan đến mọi loại

tội phạm. Vấn đề này sẽ liên quan đến thực hiện nguyên tắc về bảo đảm quyền tiếp cận công lý và tiếp cận Tòa án của người dân” và cấu trúc lại các tội phạm, ví dụ tội phạm về kinh tế khác với tội phạm khác, không thể áp dụng “số đo chung” giữa chúng³.

4.2. Triết lý tội danh

Dưới góc độ lý luận, chưa có nghiên cứu nào làm sáng tỏ lý luận về triết lý khi xây dựng BLHS, triết lý của từng nhóm tội phạm và của từng tội danh trong luật hình sự làm cơ sở cho việc xây dựng, hoạch định và điều chỉnh chính sách hình sự và sửa đổi, bổ sung BLHS cho phù hợp với thực tiễn. Ví dụ: Triết lý khi quy định tội phản bội Tổ quốc xuất phát từ chỗ, bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân, công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc và phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất. Triết lý khi quy định tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là mục tiêu xóa bỏ bóc lột và những mầm mống của sự thống trị, phân hóa giai cấp trong điều kiện nền kinh tế thị trường, tiến tới xây dựng xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận những ai làm giàu từ việc bóc lột, không phải là kết quả của lao động chân chính mà phải trên cơ sở luật pháp. Mở rộng ra, cần có triết lý - tại sao lại quy định nhóm tội phạm này đặt trước nhóm tội phạm kia. Ví dụ: Các tội

¹ Hiện nay, có ba học thuyết chính về TNHS của pháp nhân như: Học thuyết trách nhiệm thay thế (*Vicarious liability*); học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm (*Identification liability*); học thuyết hệ thống/văn hóa (*Systems/ Culture Theory*).

² Trần Văn Độ (2022), “Cần thay đổi nhận thức về tội phạm và cấu thành tội phạm”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện trong quy định tại Phần chung BLHS 2015*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.01-11.

* Email: Viet180411@gmail.com

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

³ Đào Trí Úc (2022), “Các xu hướng phát triển của luật hình sự thể hiện trong BLHS năm 2015 và những vấn đề đặt ra”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Quy định của Phần chung BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.42.

xâm phạm an ninh quốc gia lại quy định đặt trước tất cả nhóm tội phạm khác... Do đó, khi tiến hành hoạt động lập pháp - tội phạm hóa, phi tội phạm hóa và mỗi lần sửa đổi, bổ sung BLHS chúng ta sẽ có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc và bảo đảm tính thực tiễn của việc quy định tội phạm, TNHS và hình phạt.

4.3. “Định vị” chính xác khi nghiên cứu các tội phạm cụ thể

Đại hội XIII của Đảng năm 2021 đã đề ra nhiệm vụ: *“sẵn sàng ứng phó hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống...; kịp thời đấu tranh trấn áp có hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao...”*⁴. Hơn nữa, “mũi nhọn” của nghiên cứu luật hình sự tập trung nhiều hơn vào các “hiện tượng nguy hiểm” có tính chất toàn cầu, tội phạm xuyên quốc gia (còn gọi là tội phạm phi truyền thống) như: Tội khủng bố, tội rửa tiền, tội phạm liên quan đến tài chính, ngân hàng, tội phạm về môi trường, tội phạm mạng..., làm cơ sở cho việc hoàn thiện cơ sở pháp lý và TNHS, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hình sự với khu vực và thế giới.

4.4. Nghiên cứu “hiện tượng” tội phạm với tính chất liên ngành

Nghiên cứu, làm rõ từng quan điểm của các học giả khác nhau về hiện tượng tội phạm, từ đó tiếp tục hoàn thiện lý thuyết về vấn đề này ở Việt Nam. Ví dụ, tìm hiểu quan điểm của học giả Emile Durkheim⁵ về

hiện tượng tội phạm đã nhận định: Hiện tượng tội phạm là hiện tượng bình thường, vì không có xã hội nào không có tội phạm; hiện tượng tội phạm là một bộ phận thiết thân của bất kỳ xã hội lành mạnh nào; và nếu xét dưới quan điểm chức năng luận, Tòa án và nhà tù xuất hiện để trừng phạt các hành vi tội phạm (vi phạm chuẩn mực xã hội), có nghĩa là thỏa mãn các nhu cầu của số đông (xúc cảm tập thể), khi đó các cá nhân cảm thấy gắn bó với nhau hơn, mức độ đoàn kết xã hội được tăng cường hơn. Có thể nói, hiện tượng tội phạm như là một nhịp để điều chỉnh xã hội, củng cố trật tự xã hội, khẳng định lại hệ thống quy tắc xã hội...⁶. Ví dụ: Một số tác động tích cực đối với môi trường xã hội từ việc nghiên cứu “hiện tượng tội phạm” như⁷: (1) Tăng sự tỉnh táo, đề phòng, mức độ và cấp độ của mỗi công dân; (2) Từng cá nhân trong xã hội mong muốn nâng cao khả năng thể chất để xử lý khi khẩn cấp hoặc cứu giúp được người khác khi gặp nạn; (3) Đoàn kết trong xã hội, cộng đồng nơi sinh sống hoặc nơi xảy ra tội phạm trước các hành vi phạm tội và bảo vệ an toàn cộng đồng; (4) Mỗi gia đình nỗ lực cải thiện cách giáo dục con cái, người thân, bạn bè để hình thành nền tảng không vi phạm pháp luật và biết cách xử sự trước tình huống cụ thể; mỗi nhà trường nỗ lực rà soát chương trình, các giáo dục, ứng xử trong xã hội; (5) Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật và đánh giá lại hệ thống này, rà soát các “lỗ hổng” trong các khâu từ xây dựng, thực thi, tổ chức thực hiện và phòng ngừa; (6) Tác dụng răn đe, phòng ngừa; (7) Cung cấp kiến thức cho người khác - trong tình huống đó phải xử lý để

ở nước ta trong bối cảnh mới.

⁶ Trương Thị Hiền, “Tìm hiểu quan điểm của Emile Durkheim về hiện tượng tội phạm”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 01/2011, tr.67-70.

⁷ Abdullah Sam, *Positive Impact of Crime on Community Environment*, December 8, 2020, <https://notesread.com/positive-impact-of-crime-on-community-environment/>, truy cập ngày 30/10/2023.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.279-281.

⁵ Trong tác phẩm “*Những quy tắc của phương pháp xã hội học*” (1895) của tác giả Emile Durkheim (1858-1917) - cha đẻ của ngành xã hội học ở Pháp đã chứng minh rằng các sự kiện xã hội liên hệ với nhau với một cấu trúc có hệ thống. Ông đã đề cập tới hiện tượng tội phạm như là một ví dụ minh họa cho những quy tắc của phương pháp xã hội học, tuy nhiên có thể thấy những quan điểm của ông về tội phạm là một cách tiếp cận mới vào cuối thế kỷ 19 và vẫn đóng vai trò và có ý nghĩa rất quan trọng cho nghiên cứu về tội phạm

không trở thành nạn nhân của tội phạm...

5. Trách nhiệm hình sự

5.1. Nghiên cứu liên ngành về nội dung của trách nhiệm hình sự và thống nhất nội hàm hình thức của trách nhiệm hình sự

Trước xu thế nhân đạo hóa luật hình sự, vẫn còn thiếu nghiên cứu liên ngành về cơ sở của TNHS (triết học - luật học); cơ sở của TNHS với những điều kiện của TNHS đối với pháp nhân; về “giới hạn thời gian” của TNHS (thời điểm bắt đầu - thời điểm kết thúc), vấn đề thời hiệu truy cứu TNHS và mối liên hệ với thời hiệu thi hành bản án.

Cũng trong xu thế mới, cần thống nhất tên gọi, nội hàm và hệ thống các biện pháp với hàng loạt phạm trù tương đương như: Các dạng của TNHS⁸; các hình thức của TNHS; các hình thức thể hiện của TNHS; các hình thức thực hiện TNHS; các biện pháp cưỡng chế về hình sự; các biện pháp xử lý về hình sự; các biện pháp hình sự...⁹, từ đó, thống nhất chung hình thức của TNHS.

5.2. Biện pháp “Tư pháp phục hồi” và vấn đề xử lý chuyển hướng

Ngoài ra, còn thiếu nghiên cứu chuyên sâu theo xu hướng chung của luật hình sự trên thế giới về chế định tư pháp phục hồi. Trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, một cách tiếp cận tư pháp hình sự được gọi là công lý phục hồi (hay tư pháp phục hồi) đã xuất hiện để giải quyết những lo ngại về việc tội phạm tái phạm, chi phí sửa chữa và quyền của nạn nhân tội phạm, cùng với những kết quả đáng khích lệ trong việc sử dụng đối thoại giữa nạn nhân và tội phạm, cụ thể là vấn đề bồi thường. Hàng loạt học giả tiêu biểu như: Consedine, J. and Bowen,

H.¹⁰, Cragg W¹¹, Johnstone G¹², Cornwell DJ¹³, Johnstone G, Van Ness DW¹⁴, Dyah Listyarini¹⁵... đã làm sáng tỏ lý thuyết này. Thay vì định nghĩa tư pháp hình sự chỉ theo truy tố và trừng phạt, tư pháp phục hồi tập trung vào việc xác định và khắc phục những tổn hại do hành vi phạm tội gây ra, quy trách nhiệm cho những người phạm tội vì đã làm đúng với những người bị hại, đồng thời trao quyền cho nạn nhân và cộng đồng tham gia phản ứng. Và trong tương quan đó, biện pháp khôi phục hoặc sửa chữa thiệt hại, xây dựng mối quan hệ thân thiện với cộng đồng thay cho việc áp dụng hình phạt mới là mục tiêu cơ bản của công lý, công bằng xã hội và giảm thiểu gánh nặng cho Nhà nước, cũng như đem lại và phục hồi giúp cho người bị hại. Vì vậy, có thể mở đường đến sự tha thứ và hòa giải, sự tái hòa nhập của người phạm tội (nhất là người chưa thành niên) vào cộng đồng và chữa lành vết thương của nạn nhân...¹⁶.

Hiện nay, trong hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có khái niệm chính thức về “tư pháp phục hồi”. Tuy nhiên, tham khảo mô hình và pháp luật của một số nước và dựa trên hướng dẫn của Liên hợp quốc, cơ quan lập pháp của Việt Nam đã ghi nhận các biện pháp mang đặc điểm của tư pháp phục hồi

⁸ Lê Văn Cẩm, *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung (Giáo trình Sau đại học)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 2019, tr.519.

⁹ Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), *TNHS, hình phạt và biện pháp hình sự khác*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2022, tr.45.

¹⁰ Consedine, J. and Bowen, H., *Restorative Justice: Contemporary Themes and Practice*, Lyttelton, NZ: Ploughshares Publications, 1999, p.56.

¹¹ Xem: Cragg W, *The practice of punishment: Towards a theory of restorative justice*, Routledge, New York, 1992, p.46.

¹² Johnstone G (ed), *Restorative justice reader: texts, sources, context*, Willan, Portland, 2003, p.35.

¹³ Cornwell DJ, *Criminal punishment and restorative justice: past, present and future perspectives*, Waterside Press, Winchester, 2006, p.58.

¹⁴ Johnstone G, Van Ness DW, *Handbook of restorative justice*, Willan, Cullompton, 2007, p.21.

¹⁵ Dyah Listyarini, *Juvenile Justice System Through Diversion And Restorative Justice Policy*, Diponegoro Law Review, April 2017, Vol.02, No.01, p.48.

¹⁶ Johnstone G, Van Ness DW, *Handbook of restorative justice*, Willan, Cullompton, 2007, p.6.

và xử lý chuyển hướng trong BLHS năm 2015 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2021 với tên gọi là “*biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS*” bao gồm: khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tinh thần về tư pháp phục hồi đã được thể hiện rõ nét tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015. Ngoài ra, còn phải kể đến một số nhà khoa học, cán bộ thực tiễn¹⁷ coi đó là “*nguyên tắc hòa giải trong luật hình sự*”.

6. Hình phạt

Đây cũng là vấn đề đã được đề cập nhiều nhưng vẫn còn thiếu nghiên cứu riêng về từng hình phạt chính (như: cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, trục xuất); về từng hình phạt bổ sung và từng biện pháp tư pháp đối với ba đối tượng - người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội và người dưới 18 tuổi phạm tội, đặc biệt là các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS... Hoặc vấn đề triết lý về hình phạt, hiệu quả của hình phạt và so sánh về hình phạt với các nước cũng chưa được nghiên cứu nhiều. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về các yếu tố bảo đảm hiệu quả của hình phạt dưới sự tác động của điều kiện về chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế trên cơ sở các yếu tố về lập pháp; về hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án; về chấp hành hình phạt trong thi hành án; về môi trường xã hội với việc chấp hành hình phạt...

Gần đây, với cách nhìn hiện đại hơn, có tác giả nhấn mạnh: Cần mạnh dạn áp dụng các hình phạt thay thế hình phạt tù “trên cả bình diện lập pháp và áp dụng pháp luật và phải trở thành nhận thức của cơ quan

lập pháp và tư pháp”, ví dụ như khả năng ngược lại - “chuyển hình phạt tù thành cải tạo không giam giữ”¹⁸. Xu hướng các nước đang nghiên cứu, đề xuất những biện pháp trừng phạt không giam giữ thường được gọi là “những lựa chọn thay thế hình sự” cho việc tước đoạt tự do có thể tiến hành ngay từ đầu vào (chuyển hướng) hoặc trong quá trình xử lý để thay thế cho việc bỏ tù trong hệ thống tư pháp hình sự, chứ không phải thay thế cho tội phạm. Hơn thế nữa, các biện pháp thay thế hình sự là các biện pháp trừng phạt chính thức và do đó khác với các giải pháp không chính thức¹⁹. Ngoài ra, nội dung cách tiếp cận mới cho rằng nên hướng vào *sự tác động đến hành vi hậu (sau) phạm tội*, khuyến khích sự thay đổi của người phạm tội kể cả sau khi bị xử lý và khuyến khích chấp hành nghiêm hình phạt của họ và hiện nay, BLHS chỉ có quy định có hai biện pháp nhưng đều liên quan đến phạt tù (và liên quan đến yếu tố hoàn cảnh cá nhân người bị kết án) mà không có các hình phạt khác và chưa nhằm khuyến khích sự thay đổi của người phạm tội...²⁰.

7. Tội phạm trí tuệ nhân tạo (AI) và trách nhiệm hình sự đối với thực thể trí tuệ nhân tạo (AI)

7.1. Tội phạm trí tuệ nhân tạo (AI)

Hiện nay, trước bối cảnh trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam đang diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, câu hỏi pháp lý đặt ra là viễn cảnh tương lai trong BLHS “*năm nào đó*” liệu có bổ sung thêm khái niệm *tội phạm AI*²¹ và vấn đề TNHS đối với

¹⁷ Đào Trí Úc, “Chính sách hình sự thể hiện trong BLHS năm 2015”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 01/2017, tr. 3-12; Cao Thị Oanh, “Chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm một số nước về tư pháp phục hồi”, *Tạp chí Luật học*, số 7/2019, tr.68-77; Đinh Văn Quế, *Bình luận BLHS năm 2015, Phần thứ nhất - Những quy định chung*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017, tr.159...

¹⁸ Đào Trí Úc, “Các xu hướng phát triển của luật hình sự thể hiện trong BLHS năm 2015 và những vấn đề đặt ra”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Quy định của Phần chung BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Tư pháp, H. 2022, tr.45.

¹⁹ Karl-Ludwig Kunz, *Non-custodial sanctions in Europe: An overview*, Law Faculty University of Berne, Switzerland, ACTA CRIMINOLOGICA Vol.7 No.01, 1994, p.33-39.

²⁰ Đào Trí Úc, *Tlđđ*, tr.45.

²¹ Matilda Claussén - Karlsson, *Artificial Intelligence*

thực thể AI²² - độc lập hay liên đới không. Chức năng dự báo của khoa học đòi hỏi đặt ra nghiên cứu để có phương án pháp lý kịp thời điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh và sẽ dần hình thành trong tương lai (mặc dù khoa học viễn tưởng)²³.

Trước hết, về tội phạm AI, thử nghiệm về mặt lý thuyết, các nhà khoa học đã nghiên cứu bằng chứng “tội phạm AI” trong hai thí nghiệm sau²⁴: *Thí nghiệm số 1*, sử dụng AI như một “công cụ” để thuyết phục người sử dụng phương tiện truyền thông xã hội nhấp chuột vào “đường link lừa đảo” chứa trong các tin nhắn được soạn thảo hàng loạt. Do mỗi tin nhắn được tạo ra bằng kỹ thuật học hỏi của máy móc trên cơ sở những hành vi trước đây và hồ sơ công khai của người sử dụng, nội dung tin nhắn được điều chỉnh cho phù hợp với từng cá nhân, do đó, đã che giấu ý định thực sự đằng sau mỗi tin nhắn. Nếu “nạn nhân” nhấp chuột vào “đường link lừa đảo” và điền vào biểu mẫu trên trang web (tình huống thực tế), tội phạm sẽ thu thập được thông tin cá nhân để sử dụng cho mục đích trộm cắp tài sản hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hay nhiều mục đích khác nhau nữa... *Thí nghiệm số 2*, mô

phỏng thị trường nhận thấy các tác nhân thực hiện giao dịch (trading agents) có thể học tập, thực hiện các chiến dịch thao túng thị trường “có khả năng sinh lợi” thông qua một loạt lệnh giả với nhiều thủ đoạn khác nhau để thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội...²⁵.

Như vậy, *tội phạm AI là hành vi nguy hiểm cho xã hội do con người (hoặc pháp nhân) thực hiện qua hệ thống AI hoặc do thực thể AI thực hiện tùy vào sự biến đổi, phát triển khi có đầy đủ thông tin, “thông minh”, tự chủ và có khả năng thực hiện hành động có liên quan một cách độc lập với những người đã tạo ra AI đó, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập, bảo vệ và phải bị xử lý về hình sự*.

Các nhà công nghệ học và pháp lý đã chỉ ra các lĩnh vực tội phạm AI bao gồm: Tội phạm trong lĩnh vực thương mại, thị trường tài chính và phá sản; tội liên quan đến được phẩm có hại hoặc nguy hiểm; tội chống lại con người; tội phạm tình dục; tội trộm cắp và lừa đảo, giả mạo giấy tờ và mạo danh²⁶. Do đó, nếu phát sinh loại tội phạm mới này thì cũng cần có khung pháp lý và giả định các mô hình lý luận về TNHS trong tương lai để áp dụng, bảo đảm xử lý, đặc biệt là cập nhật những vấn đề pháp lý mới phát sinh đặt ra, trong đó dự kiến vấn đề TNHS ứng phó với hiện tượng “tội phạm AI”. Gần đây, ứng dụng ChatGPT được mệnh danh là AI thông minh nhất thế giới cũng đang đặt ra nhiều thách thức pháp lý, đòi hỏi phải có giải pháp ứng phó, xây dựng *Luật về Trí tuệ nhân tạo (AI)*²⁷.

and the External Element of the Crime, An Analysis of the Liability Problem, JU101A, Final Thesis for the Law Program, Second Cycle, Spring 2017, p.36-75.

²² Gabriel Hallevey, “The Criminal Liability of Artificial Intelligence Entities - from Science Fiction to Legal Social Control”, *Akron Intellectual Property Journal*, Vol.4, Iss.2, Article, 2010, p.171-219; Danila Kirpichnikov, Albert Pavlyuk, Yulia Grebneva, Hilary Okagbue, *Criminal Liability of the Artificial Intelligence*, E3S Web of Conferences 159, 04025 BTSES-2020, p.1-10.

²³ Trịnh Tiến Việt, “Các mô hình TNHS đối với thực thể trí tuệ nhân tạo (AI): Từ khoa học viễn tưởng đến viễn cảnh đặt ra trong chính sách, pháp luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học, Luật học, ĐHQGHN*, số 4/2019, tr.14.

²⁴ Thomas C. King, Nikita Aggarwal, Mariarosaria Taddeo, Luciano Floridi, *Artificial Intelligence Crime, An Interdisciplinary Analysis of Foreseeable Threats and Solutions*, Science and Engineering Ethics, 2020, p.91.

²⁵ Martínez-Miranda, E., McBurney, P., & Howard, M. J., *Learning unfair trading, A market manipulation analysis from the reinforcement learning perspective*, In Proceedings of the 2016 IEEE conference on evolving and adaptive intelligent systems, EAIS 2016, p.103-109.

²⁶ Thomas C. King, Nikita Aggarwal, Mariarosaria Taddeo, Luciano Floridi, *Illd*, p.69.

²⁷ Nội dung Luật quy định: Những quy định chung về chính sách, nguyên tắc, phạm vi điều chỉnh; quy trình/thủ tục nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, thủ tục đăng ký, chủ sở hữu; các lĩnh vực sử dụng AI; quy

Ngoài ra, cần sửa đổi, điều chỉnh khái niệm tội phạm với nhận thức mới nếu có khả năng xuất hiện chủ thể của tội phạm, tiếp cận khái niệm, lĩnh vực tội phạm AI. Đặc biệt, rà soát tội phạm cụ thể trong BLHS năm 2015 để xem xét về các yếu tố cấu thành tội phạm, dấu hiệu “xuyên quốc gia” để sửa đổi cho thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa, cũng như “tính có tổ chức” của tội phạm; nghiên cứu tham gia Công ước về Tội phạm mạng và quy định riêng về tội phạm mạng của Việt Nam - Công ước của Hội đồng châu Âu về tội phạm mạng (Budapest ngày 23/11/2001), rà soát các Luật “vệ tinh” tạo hệ thống trong phòng, chống tội phạm...

7.2. Trách nhiệm hình sự đối với thực thể trí tuệ nhân tạo (AI)

Từ khái niệm tội phạm AI, dẫn đến cần nghiên cứu TNHS đối với AI do chủ thể AI thực hiện hay qua người khác sử dụng AI để thực hiện. Với cách tiếp cận khoa học viễn tưởng²⁸ kết hợp với khoa học luật hình sự, công nghệ học, tâm lý học, ngôn ngữ học và khoa học thần kinh, nhiều nhà khoa học từng bước luận giải vấn đề này, giả định cụ thể khi thực thể AI đã là chủ thể của pháp luật²⁹. Bởi lẽ, với sự phát triển khoa học - công nghệ như vũ bão, một mối liên hệ đặt ra là: đã tồn tại một “thực thể trừu tượng” được tạo ra bởi pháp luật như “pháp nhân” đã được luật hình sự các nước (trong đó

trình/thủ tục kiểm tra, giám sát công nghệ, giải pháp kỹ thuật ứng phó; hệ thống chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực AI (các biện pháp hành chính, dân sự và hình sự)...

²⁸ Khoa học viễn tưởng là việc đưa ra các nội dung tưởng tượng khác để tiên đoán những tác dụng của tiến bộ khoa học và những trạng thái của thế giới tương lai. Bối cảnh khoa học viễn tưởng thường khác biệt so với thế giới thực, nhưng lại dễ được chấp nhận là khả dĩ xảy ra nhờ các phương thức lý giải những yếu tố hư cấu bằng khoa học và lập luận chặt chẽ (TG).

²⁹ Gabriel Hallevy, “The Criminal Liability of Artificial Intelligence Entities - from Science Fiction to Legal Social Control”, *Akron Intellectual Property Journal*, Vol.4, Iss.2, Article, 2010, p.171-219.

có Việt Nam) ghi nhận, thì xu hướng là sự ghi nhận tương tự có lẽ cũng sẽ diễn ra đối với “cỗ máy mang AI” - thực thể cũng được chính con người tạo ra đã và đang thay thế dần toàn bộ hoạt động, “siêu việt” hơn con người ở nhiều phương diện, thậm chí đến một lúc AI phát triển vượt bậc, biến con người trở thành vô dụng, đưa loài người đến chỗ diệt vong³⁰. Do đó, từ ý tưởng khoa học của tác giả Gabriel Hallevy³¹, chúng tôi đã từng công bố, diễn giải 05 mô hình TNHS với mối liên hệ giữa các “chủ thể” (tạm giả định) bao gồm: Người lập trình (hay người thiết kế phần mềm AI hoặc ông chủ); người sử dụng (hay người sử dụng cuối hoặc người phát triển phần mềm AI); thực thể AI:

7.2.1. Mô hình số 1 - Trách nhiệm hình sự thông qua chủ thể phạm tội khác - thực thể AI được xem là vật trung gian (tác nhân vô tội): Dù khoa học - công nghệ, xã hội có phát triển đến thế nào trong tương lai, thì “máy móc” vẫn sẽ luôn là “máy móc” và thực thể AI không thể sở hữu bất kỳ thuộc tính nào của con người nên chỉ được coi là tác nhân vô tội (vật trung gian, công cụ), không thể coi thực thể AI là “thủ phạm” gây ra hành vi nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên, con người chắc chắn không thể bỏ qua các khả năng cơ bản, năng lực của AI.

7.2.2. Mô hình số 2 - Trách nhiệm hình sự căn cứ vào hậu quả nguy hiểm cho xã hội có thể xảy ra một cách tự nhiên trên thực tế: Người lập trình/người sử dụng có liên hệ mật thiết với các hành động của thực thể AI nhưng không có ý định phạm tội thông qua thực thể này. Trong quá trình thực hiện, thực thể AI thực hiện hành vi phạm tội nhưng người lập trình/người sử dụng đã không biết về hành vi này đến khi hành vi đó xảy ra và gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên:

(1) Trường hợp mà người lập trình/người sử dụng sơ suất trong quá trình lập

³⁰ James Barrat, *Our Final Invention, Artificial Intelligence and the End of the Human Era*, Publisher by Thomas Dunne Books, October 1, 2013, p.334-354.

³¹ Gabriel Hallevy, *Tlđđ*

trình hay sử dụng thực thể AI và không có ý định thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào thì không có lý do gì mà họ lại phải chịu TNHS, nếu pháp luật không có quy định khác về tội phạm do vô ý;

(2) Trường hợp người lập trình/người sử dụng đã lập trình hoặc sử dụng thực thể AI một cách có chủ đích và cố tình để thực hiện hành vi phạm tội thông qua nó, tuy nhiên, AI “phát triển cao” lại không thực hiện kế hoạch này mà lại thực hiện hành vi phạm tội khác. Trường hợp này giống trường hợp TNHS dựa trên hậu quả có thể xảy ra một cách tự nhiên.

7.2.3. Mô hình số 3 - Trách nhiệm hình sự trực tiếp - thực thể AI được cho là tương đương với chủ thể phạm tội là con người:

(1) Yếu tố bên ngoài của thực thể AI chỉ cần điều kiện là thực thể AI kiểm soát một hệ thống cơ khí hoặc một cơ chế khác có tính cơ khí để di chuyển các bộ phận của mình, bất kỳ hành vi nào cũng có thể được coi là do thực thể AI thực hiện, ví dụ, rô-bốt có AI kích hoạt cánh tay điện tử/thủy lực của mình và di chuyển để tấn công con người/gây thiệt hại cho xã hội - được coi là hành động;

(2) Yếu tố bên trong và đây là một thách thức lớn nhất và khó khăn về mặt pháp lý - tâm lý. Hầu hết khả năng nhận thức được phát triển trong công nghệ AI hiện đại đều mang tính phi vật chất trong việc áp dụng TNHS. Yêu cầu về mặt chủ quan cần để áp dụng TNHS là sự hiểu biết, ý định, động cơ, sự sơ suất... như yêu cầu đối với hành vi phạm tội cụ thể.

7.2.4. Mô hình số 4 - Trách nhiệm hình sự đan xen, kết hợp và phân tách đôi với thực thể AI:

(1) Khi thực thể AI là “tác nhân vô tội” trong việc thực hiện hành vi phạm tội và người lập trình là người duy nhất chỉ đạo quá trình này, thì việc áp dụng mô hình số 1.

(2) Khi việc lập trình phần mềm chính là thực thể AI (một thực thể AI lập trình cho một thực thể AI khác để thực hiện), thì mô hình số 3. Bên lập trình phần mềm cho thực thể AI phải chịu TNHS theo mô hình

kết hợp giữa mô hình số 1 và số 3 để xử lý TNHS.

(3) Khi thực thể AI là bên thực hiện hành vi phạm tội nhưng hành vi đó không được lập kế hoạch trước thì có thể áp dụng mô hình số 2. Người lập trình có thể được coi là có hành vi sơ suất hay họ có thể phải chịu hoàn toàn trách nhiệm cho hành vi phạm tội nếu một hành vi phạm tội khác đã được lên kế hoạch một cách có chủ đích nhưng hành vi đã xảy ra không phải là một phần của kế hoạch ban đầu. Khi bên lập trình phần mềm không phải là con người (ví dụ lại là thực thể AI khác), cần áp dụng mô hình số 3 bên cạnh việc đồng thời áp dụng mô hình số 2.

7.2.5. Mô hình số 5 - Trách nhiệm hình sự độc lập, riêng biệt của thực thể AI: Khi thực thể AI phát triển “siêu việt” nhất (khả năng này là rất khó, thậm chí không tưởng, nhưng dù có 1% vẫn phải dự tính nếu xảy ra trong tương lai, được gọi là mô hình số 5), khi thực thể AI với hình dáng con người đã “thông minh hơn những con người thông minh nhất”, độc lập, tư cách pháp lý độc lập và là chủ thể pháp luật, nó tự lên kế hoạch, quyết định xử lý, tự thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì có mô hình số 5 nào đó lúc này vẫn có thể xảy ra, lúc này chúng ta có thể xây dựng mô hình TNHS trực tiếp, độc lập.

8. Kết luận

Tóm lại, từ việc nghiên cứu những định hướng nghiên cứu mới trên cơ sở nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước cho thấy vẫn còn nhiều vấn đề đòi hỏi tiếp tục phải nghiên cứu, đặc biệt là triển khai nội dung cụ thể trong từng định hướng nghiên cứu mới đó, những nhận thức mới về luật hình sự, ứng dụng các lý thuyết liên ngành, tổng kết thực tiễn, qua đó, góp phần có thêm tư liệu hữu ích cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, cơ quan xây dựng, hoạch định chính sách trong quá trình nghiên cứu, tổng kết và tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự, cũng như BLHS năm 2015 trong thời gian tới./.